

Con đường nào cho kinh tế tư nhân Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế?

Trong qua trình hội nhập quốc tế với tốc độ nhanh chóng và sâu rộng như hiện nay, các quốc gia đều phải tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp lớn mạnh, tăng năng lực cạnh tranh nhằm dung túng và ngày càng phát triển, đem lại sự phát triển bền vững cho đất nước. Trên thế giới, khu vực kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là nguồn lực chủ yếu trong phát triển kinh tế, là động lực cạnh tranh và làm cho nền kinh tế thêm sôi động. Ở Việt Nam, khu vực kinh tế tư nhân tiềm lực và khả năng đóng góp cho nền kinh tế còn rất lớn, Nhà nước cần có biện pháp thiết thực để khuyến khích khu vực này phát triển xứng với tiềm năng của nó.

TS. **VŨ THỊ BẠCH TUYẾT**

Học viện Tài chính

Thực trạng kinh tế tư nhân Việt Nam thời gian qua

Từ khi có chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, kinh tế tư nhân bắt đầu có điều kiện và cơ sở pháp lý để phát triển. Hơn 10 năm qua, kinh tế tư nhân (KTTN) Việt Nam tăng nhanh cả về số lượng lẫn vốn kinh doanh và những đóng góp vào thu nhập kinh tế quốc dân. Đến năm 2000, số hộ kinh doanh cá thể là 9,8 triệu với 20,1 triệu lao động (trong đó có 7,7 triệu hộ nông nghiệp ngoài HTX với 16,3 triệu lao động và 2,1 triệu hộ kinh doanh phi nông nghiệp với 3,8 triệu lao động), số doanh nghiệp tư nhân lên tới 70.000 (trong đó khoảng 92% thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp). Vốn đăng ký của doanh nghiệp tư nhân tăng nhanh, năm 2000 đạt gần 14.000 tỷ đồng, gấp hơn 4,5 lần so với năm 1996. GDP của khu vực KTTN năm 2000 đạt 42,26% tổng GDP cả nước, đóng góp 5.900 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước (chiếm 14,7% tổng thu ngân sách). Khu vực KTTN đã đóng góp 15% vào tăng trưởng công nghiệp từ năm 1995 đến năm 2000 và đóng góp 43% vào tăng trưởng xuất khẩu 2 năm qua. Năm 2001 KTTN đóng góp 6.370 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước.

Mặc dù đã có chủ trương của Đảng về khuyến khích phát triển KTTN, nhưng thực tế trong xã hội vẫn còn những định kiến về KTTN, các chính sách vẫn còn có sự phân biệt đối xử

giữa các khu vực kinh tế và chưa thực sự cởi mở với khu vực KTTN, do đó ngoài khó khăn chung của nền kinh tế (thiếu vốn, qui mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu...), khu vực kinh tế này còn gặp nhiều khó khăn khác trên con đường phát triển, như: khó huy động vốn, thiếu mặt bằng sản xuất kinh doanh, môi trường pháp lý và môi trường tâm lý xã hội chưa thuận lợi.

Theo đánh giá chung của các chuyên gia kinh tế và qua thực tế kiểm nghiệm, có thể khẳng định: Trong nền kinh tế thị trường, KTTN tỏ ra có nhiều ưu thế cho phát triển. Thực tế ở Việt Nam thời gian qua, khu vực kinh tế Nhà nước tuy được ưu đãi và tạo điều kiện để phát triển, nhưng rất nhiều doanh nghiệp đã bộc lộ sự không phù hợp trong nền kinh tế thị trường và do đó năng lực cạnh tranh yếu. Trong khi đó, những kết quả đạt được của KTTN thời gian qua trong điều kiện vẫn còn có sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử (thuế đất, vay vốn...), thiếu thông tin, chính sách nhà nước chưa rõ ràng... cho thấy tiềm lực và khả năng đóng góp của khu vực KTTN còn rất lớn. Vì vậy, cần phải có những biện pháp thiết thực nhằm tháo gỡ những vướng mắc hiện nay cho khu vực KTTN phát triển đúng với tiềm năng của nó, mặt khác cũng cần có biện pháp kiểm soát để những tiêu cực không có cơ hội phát sinh.

Một số đề xuất nhằm tháo gỡ những vướng mắc hiện nay cho khu vực KTTN

Đổi mới về cơ chế chính sách

Nhà nước cần có sự đổi mới đồng bộ từ luật pháp đến các chính sách cụ thể về sử dụng đất, về tiếp cận vốn, về thuế...

Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001 đã tạo ra một khung pháp lý phù hợp hơn trong điều kiện của nền kinh tế chuyển đổi, nhưng vẫn còn bộc lộ những hạn chế cho việc khai thác nguồn lực của KTTN, như: quan hệ chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng còn bị ràng buộc bởi những qui định và thủ tục phiền hà (KTTN chưa được giao đất chuyển dùng, không được dùng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn liên doanh với tổ chức và cá nhân ngoài nước, khi chuyển nhượng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép...); chính sách thu tiền sử dụng, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất còn cao (ví dụ thu tiền sử dụng đất bằng 20% giá đất đối với người sử dụng đất trước năm 1993 nếu không có giấy tờ hợp lệ, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất chuyển dùng thì phải chuyển sang thuê đất...).

Để giảm phiền hà trong thủ tục thuê đất, tăng tính tự chủ của KTTN khi chọn hướng đầu tư, cần cho phép tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất vào sản xuất kinh doanh được tự chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất và thuê đất. Để khuyến khích hộ gia đình, cá nhân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư phù hợp với khả năng vốn, lao động và kinh nghiệm của họ nên bỏ các qui định hiện hành khi có nhu cầu chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thay bằng qui định khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải đăng ký chuyển nhượng tại cơ quan địa chính. Đất nông nghiệp do nông trường quốc doanh quản lý giao một phần cho các hộ gia đình chưa có đất sử dụng ổn định lâu dài, phần còn lại bán theo phương thức đấu giá quyền sử dụng đất. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa thu

tiền sử dụng đất với đền bù thiệt hại nhằm giảm chi phí cho người sử dụng đất khi thực hiện các dự án đầu tư phát triển.

Những năm vừa qua, chúng ta đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc tạo cơ hội cho khu vực KTTN tiếp cận đến các nguồn vốn, như: sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn ODA để hình thành các quỹ hỗ trợ KTTN trong khuôn khổ chương trình mục tiêu của Nhà nước thông qua các ngân hàng thương mại Việt Nam, cho phép đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực KTTN... Tuy nhiên, trong thực tế, KTTN vẫn gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận các nguồn vốn do sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế và những quy định bất cập trong khung pháp lý. Theo nguồn thông tin từ phía ngân hàng, trên 50% doanh nghiệp của khu vực KTTN phải tìm kiếm nguồn hỗ trợ từ các kênh tín dụng phi chính thức (vay tư nhân với lãi suất cao gấp 4 đến 5 lần lãi suất cho vay của ngân hàng).

Để tháo gỡ những khó khăn về vốn cho khu vực KTTN, ngoài việc củng cố và phát triển TTCK, giảm bớt những quy định phiền hà khi tư nhân liên doanh liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài, còn phải mở rộng cửa cho KTTN tiếp cận vốn vay ưu đãi hoặc nhận bảo lãnh tín dụng từ nguồn vốn ưu đãi quốc gia, nới lỏng những quy định về định giá tài sản thế chấp hoặc triển khai có hiệu quả Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp cho doanh nghiệp được vay vốn từ các tổ chức tín dụng khi không đủ tài sản cầm cố, thế chấp. Mở rộng tín dụng cho các hộ nông dân, các trang trại và ngư dân.

Cần nghiên cứu để sửa đổi và bổ sung một số chính sách thuế theo hướng vừa khuyến khích phát triển KTTN, vừa không bỏ sót các nguồn thu. Đặc biệt những quy định trong thuế không nên có sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế, chỉ nên phân biệt vùng và lĩnh vực hoạt động. Xây dựng chế độ báo cáo và công khai tài chính phù hợp với đặc điểm các loại hình KTTN. Ngoài ra, Nhà nước có thể hỗ trợ đào tạo, cung cấp thông tin, mở rộng hệ thống dịch vụ tư vấn... cho khu vực KTTN. Nhà nước nên công khai hoá các ngành nghề kinh doanh và chuẩn mực hoá các điều kiện kinh doanh từng ngành nghề

không phân biệt thành phần kinh tế, các nhà đầu tư được quyền chọn hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong những ngành nghề luật pháp không cấm. Chỉ nên phân biệt đầu tư theo vùng và đầu tư theo ngành nghề, khuyến khích ở mức độ cao việc đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vào các lĩnh vực đang được khuyến khích đầu tư giai đoạn tới.

Đổi mới từ phía các cơ quan quản lý của nhà nước

Trước hết, các cơ quan quản lý nhà nước cần có cách nhìn bình đẳng giữa các khu vực kinh tế, như: các tổ chức tín dụng đánh giá độ tin nhiệm chỉ nên dựa vào hiệu quả và khả năng sử dụng vốn, cải tiến thủ tục theo hướng đơn giản, an toàn, phát triển hình thức cho thuê tài chính và đa dạng hoá hoạt động cho thuê, tư vấn cho doanh nghiệp về lập dự án vay vốn và các thủ tục hiện hành... Với cách nhìn đó, các cơ quan quản lý nên xoá bỏ hẳn sự phân biệt đối xử khi giới thiệu đối tác liên doanh, khi xem xét các thủ tục vay vốn, khi xử lý các vi phạm pháp luật, hướng tới một sự bình đẳng trên mọi khía cạnh trong sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế.

Thực hiện chức năng của mình, các cơ quan quản lý nhà nước còn phải kiểm soát và hạn chế tiêu cực ở mọi thành phần kinh tế. Bởi vì, ở bất kỳ quốc gia nào thì khu vực KTTN cũng năng động, linh hoạt hơn, nhưng cũng có thiên hướng sử dụng các biện pháp tiêu cực để làm lợi. Song nguồn gốc tiêu cực phần lớn lại ở các cơ quan quản lý nhà nước, nếu cán bộ trong bộ máy công quyền không tham nhũng thì nạn tham nhũng khó tồn tại, nếu cán bộ quản lý vững vàng về chuyên môn thì mọi tiêu cực sẽ bị phát hiện ngay từ khi nó chưa kịp hoành hành. Xét trên mọi góc độ đều thấy các doanh nghiệp tư nhân ít khi hối lộ cho nhau trong quan hệ làm ăn, nên hướng kiểm soát tiêu cực triệt để nhất phải từ công tác cán bộ, tăng cường giáo dục pháp luật đi đôi với xử lý nghiêm khắc các vụ việc tiêu cực ẩn dưới nhiều hình thức khác nhau mới có thể lành mạnh hoá nền kinh tế.

Đổi mới từ phía khu vực KTTN

Thông qua các phương tiện thông

tin tuyên truyền để các bộ phận thuộc khu vực KTTN nhận thức rõ quan điểm đổi mới và các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế kinh doanh đúng pháp luật để tận dụng tối đa những ưu đãi từ phía Nhà nước, không đi vào con đường tiêu cực. Trước khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần hiểu rõ những quy định pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ, hướng mọi hoạt động đi theo hành lang pháp lý, khai thác các nguồn lực cho sự phát triển, đem lại lợi ích cá nhân nhưng cũng vì lợi ích cộng đồng.

Đặc biệt, trong điều kiện mở cửa và hội nhập quốc tế nhanh chóng như hiện nay, các doanh nghiệp cần phải xác định luôn đứng trước sức ép cạnh tranh không những trên thị trường quốc tế, mà còn ngay cả ở thị trường trong nước. Muốn tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh, bao gồm: chiến lược mặt hàng, thị trường, nhân lực, công nghệ, vốn... theo hướng kinh tế thị trường. Để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải tiếp cận đến mạng thông tin quốc gia (thông tin về luật pháp, chính sách, thị trường, khách hàng...); tham gia các hiệp hội kinh doanh theo ngành nghề của mình để học hỏi kinh nghiệm, tạo cơ hội liên doanh liên kết với các cơ sở trong và ngoài nước; tranh thủ sự bảo vệ của Hiệp hội, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước trước sức ép cạnh tranh.

Theo kinh nghiệm các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, một khi phát huy được tiềm lực, KTTN sẽ góp phần rất quan trọng tạo nên phần lớn thu nhập quốc dân, chính sự phát triển đúng hướng của khu vực KTTN sẽ làm nhẹ phần lớn các căng thẳng về các vấn đề xã hội đang đè nặng lên vai Chính phủ vì vậy họ luôn tìm các biện pháp hỗ trợ cho phát triển KTTN.

Những số liệu thực tế về KTTN Việt Nam cũng đã phần nào cho phép chúng ta khẳng định chủ trương phát triển KTTN hoàn toàn phù hợp với các điều kiện của nền kinh tế thị trường. Điều tiếp theo là phải hoàn thiện đồng bộ các cơ chế chính sách nhằm tạo ra một con đường đi thuận lợi cho khu vực KTTN phát triển và cùng các thành phần kinh tế khác hội nhập thành công với khu vực và thế giới. ☉